

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NĂNG
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 38/2024/HNGĐ-ST

Ngày 13 - 9 - 2024

V/v Không công nhận quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Xuân Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Văn Liên;

2. Bà Nguyễn Thị Chinh;

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Mậu Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Trần Minh Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 179/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2024 về việc “Không công nhận quan hệ vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 29/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị L, sinh năm 1971; trú tại: Buôn W, thị trấn N, huyện N, tỉnh Đắk Lắk (có đơn xin xét xử vắng mặt);

- Bị đơn: Ông Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1969; trú tại: Buôn W, thị trấn N, huyện N, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Đỗ Thị L trình bày: Vào năm 1994, bà L với ông H tổ chức đám cưới theo phong tục, tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ đó cho tới nay nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Mặc dù, có đủ điều kiện để đăng ký kết hôn nhưng bà L với ông H không đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hòa thuận, ông H thường xuyên uống rượu, chửi bới xúc phạm bà L. Mâu thuẫn đã âm ỉ kéo dài từ lâu nên bà Đỗ Thị L đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Nguyễn Mạnh H.

Hiện tại, bà L với ông H sống chung nhà nhưng việc ai nấy lo, không còn quan tâm chăm sóc, chia sẻ công việc trong gia đình với nhau.

Về con chung: Có 02 con chung, cụ thể: Nguyễn Thị T, sinh ngày 02/02/1995 và cháu Nguyễn Đỗ Hoàng H, sinh ngày 14/9/2002. Các con chung

phát triển bình thường, hiện tại đều đã trên 18 tuổi nên không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định. Tuy nhiên, bị đơn ông Nguyễn Mạnh H vắng mặt không lý do nên vụ án không tiến hành lấy lời khai, hòa giải được.*

- *Kết quả xác minh tại UBND thị trấn N, huyện N, tỉnh Đắk Lắk: Quá trình sinh sống tại địa phương từ năm 1994 cho tới nay thì công dân Đỗ Thị L với Nguyễn Mạnh H không đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn N, huyện N, tỉnh Đắk Lắk.*

* *Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:*

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến ngày xét xử vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, đưa vụ án ra xét xử đúng hạn luật định, thủ tục mở phiên tòa đảm bảo. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Qua phân tích, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai và ý kiến của các bên đương sự, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có ý kiến như sau: Bà L với ông H sống chung với nhau như vợ chồng trên cơ sở tự nguyện từ năm 1994 cho tới nay. Mặc dù, có đầy đủ điều kiện để đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng ông bà không thực hiện. Quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn, đã sống ly thân nhau. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị L không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Nguyễn Mạnh H.

Về con chung: Cả 02 người con chung của ông bà đều đã trên 18 tuổi. Do đó, không đặt ra để xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án; ý kiến của Kiểm sát viên, đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ kiện “*Không công nhận quan hệ vợ chồng*” và bị đơn có nơi cư trú tại thị trấn Krông Năng, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 1994, bà L với ông H tổ chức đám cưới theo phong tục và tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ đó cho tới nay nhưng không thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Mặc dù, có đủ điều kiện để đăng ký kết hôn nhưng bà L với ông H không đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, không hòa thuận, ông H thường xuyên uống rượu, chửi bới xúc phạm bà L. Hội đồng xét xử xét thấy việc nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn, chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu giải quyết thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng. Do vậy, bà L yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng với ông H là đúng quy định tại điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội, về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình 2000 và khoản 1 Điều 9; Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của bà Đỗ Thị L.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống giữa bà L với ông H có hai người con chung là chị Nguyễn Thị T, sinh ngày 02/02/1995 và anh Nguyễn Đỗ Hoàng H, sinh ngày 14/9/2002. Các con chung phát triển bình thường, hiện tại đều đã trên 18 tuổi. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn bà Đỗ Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011613 ngày 31/5/2024 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Đắk Lắk.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điểm c Khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội, về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình 2000;

- Căn cứ Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Đỗ Thị L với ông Nguyễn Mạnh H.

2. Về con chung: Hiện tại các con đều đã trên 18 tuổi. Do đó, không đặt ra để xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để xem xét.

4. Về án phí: Nguyên đơn bà Đỗ Thị L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011613 ngày 31/5/2024 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Đắk Lắk.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã, phường và nơi họ cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Năng (02);
- Chi cục THADS huyện Krông Năng;
- UBND TT. N;
- Các đương sự;
- ;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Xuân Hải